



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



Mục lục	Trang
Thông tin chung	3
Thông tin tổng quát	4
Quá trình phát triển	5
Các dịch vụ cung cấp	7
Mạng lưới hoạt động	8
Định hướng phát triển	8
Báo cáo của Ban Giám đốc	10
Diễn biến thị trường chứng khoán	11
Kết quả hoạt động kinh doanh	11
Tình hình tài chính	14
Cơ cấu cổ đông	16
Tổ chức và nhân sự	17
Kế hoạch phát triển	18
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	20
Danh giá hoạt động kinh doanh	21
Hội đồng quản trị	21
Ban kiểm soát	22
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	22
Báo cáo tài chính	23



Thông tin tổng quát

Tên công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Tên giao dịch	VinaSecurities JSC
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	50/UBCK-GPHDKD do Ủy Ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006
Vốn điều lệ	185 tỷ đồng
Trụ sở chính	120 Pasteur, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại	+84 (8) 38219316
Fax	+84 (8) 38219312
Email	vnsc@vinasecurities.com
Website	www.vinasecurities.com



Thông tin chung

Thông tin tổng quát
Quá trình phát triển
Dịch vụ của VinaSecurities
Mạng lưới hoạt động
Định hướng phát triển

4
3
2
1
0



Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần chứng khoán Vina (“VinaSecurities”) được thành lập vào ngày 26 tháng 12 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 với vốn điều lệ là 45 tỷ đồng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2006, VinaSecurities được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quyết định số 50/UBCK-GPHDKD có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và được phép kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ gồm môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tháng 3 năm 2009, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho rút bớt nghiệp vụ tư doanh và bảo lãnh phát hành, đồng thời được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.

Tháng 4 năm 2010, Tập Đoàn VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities. Tập Đoàn VinaCapital, công ty quản lý đầu tư lớn nhất tại Việt Nam, hiện đang quản lý hơn 1,7 tỷ USD giá trị tài sản.

Tháng 10 năm 2010, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng.

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, VinaSecurities đã thành công việc ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Macquarie Capital Securities Limited, một thành viên của tổ chức tài chính toàn cầu, Macquarie Group (Macquarie, ASX: MQG) theo đó cho phép khách hàng của Macquarie tiếp cận vào thị trường tài chính Việt Nam, một trong những thị trường phát triển nhanh nhất của Châu Á và cho phép khách hàng của VinaSecurities tiếp cận các thị trường tài chính toàn cầu hiện tại của Macquarie. Thêm vi ban đầu của thỏa thuận giúp cho khách hàng của Macquarie có thể nhận được các báo cáo nghiên cứu về cổ phiếu ứng dụng và thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty Việt Nam. Thỏa thuận cũng bao gồm thỏa thuận đối tác độc quyền giữa VinaSecurities và Macquarie về cung cấp các giao dịch trên thị trường vốn, mua bán và sáp nhập và các tư vấn tài chính khác.

Tháng 5 năm 2011, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đồng ý cho chỉ nhánh tại Hà Nội theo quyết định số 364/QĐ – UBCK.

Tháng 6 năm 2011, VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội theo quyết định chấp thuận số 457/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Tháng 4 năm 2012, VinaSecurities bị Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

Tháng 7 năm 2012, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận dời văn phòng đến địa điểm mới theo quyết định số 100/QĐ – UBCK.

Tháng 9 năm 2012, Tập Đoàn VinaCapital hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp cho các tổ chức khác và chính thức không còn là cổ đông của VinaSecurities.

Tháng 10 năm 2012, VinaSecurities được đưa ra khỏi diện kiểm soát đặc biệt theo quyết định số 850/QĐ-UBCK.

Tháng 2 năm 2013, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận di dời văn phòng đại diện đến địa điểm mới theo quyết định số 59/QĐ – UBCK.



Tóm tắt các sự kiện

Thời gian Sự kiện

Tháng 10 năm 2015, VinaSecurities nhận Quyết định thành lập từ cách thành lập từ nguyên tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 486/QĐ-SCDHCM.
Tháng 11 năm 2015, VinaSecurities nhận Quyết định chấm dứt tư cách thành viên từ nguyên tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 781/QĐ-SCDHCM.
Tháng 11 năm 2015, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đồng ý cho văn phòng đại diện theo quyết định số 927/QĐ-UBCK.

12/2006 VinaSecurities được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán

03/2007 VinaSecurities được công nhận là thành viên lưu ký

05/2007 VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội

08/2007 VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

02/2008 Được chấp nhận nguyên tắc tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng

10/2008 Được chấp nhận thành lập chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

03/2009 Được chấp nhận cho rút bớt nghiệp vụ tư doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán và

VinaSecurities chính thức hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ

VinaSecurities thay đổi trụ sở đặt tại TP Hồ Chí Minh và chỉ nhánh đặt tại Hà Nội

04/2010 VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities

10/2010 Được chấp nhận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng

10/2010 Ký kết hợp tác toàn diện độc quyền với Công ty chứng khoán Macquarie (MQG)

05/2011 VinaSecurities đồng ý cho chỉ nhánh tại Hà Nội

06/2011 VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội

04/2012 VinaSecurities bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt

07/2012 VinaSecurities thay đổi địa điểm đặt trụ sở tại TP Hồ Chí Minh

10/2012 VinaSecurities được đưa ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt

03/2013 VinaSecurities thay đổi địa điểm văn phòng đại diện tại Hà Nội

10/2015 VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

11/2015 VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

11/2015 VinaSecurities đồng ý cho văn phòng đại diện Hà Nội.

12/2015 VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên lưu ký với Trung tâm lưu ký chứng

khoán Việt Nam



Các dịch vụ cung cấp

Các dịch vụ kinh doanh chính của VinaSecurities bao gồm dịch vụ môi giới chứng khoán, các dịch vụ

Môi giới

Là một trong những nhà môi giới không có hoạt động tư doanh ở Việt Nam, VinaSecurities cung cấp

những dịch vụ không màu thuẫn lợi ích cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

VinaSecurities cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán như lưu ký

chứng khoán, quản lý số cổ đông, phục vụ đối tượng khách hàng là các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Dịch vụ môi giới đa ngôn ngữ của VinaSecurities được thị trường đón nhận nhờ các dịch vụ vượt trội

dựa trên sự hiểu biết sâu rộng của chúng tôi về kinh tế Việt Nam. Với lợi thế các mối quan hệ rộng

khắp, VinaSecurities cung cấp cho khách hàng những danh giá và nghiên cứu và nhận định về thị

trường kịp thời, các dịch vụ môi giới nhanh chóng và các sản phẩm phong phú - tất cả nhằm mục đích

giúp khách hàng đạt lợi nhuận kỳ vọng.

Tại Thành Doanh Nghiệp

VinaSecurities cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp trong 4 lĩnh vực chính:

- Thị trường Vốn (TCM)**
 - Tư vấn cổ phần hóa
 - Chào bán chứng khoán lần đầu cho công chúng và chào bán lần sau
 - Giao dịch chứng khoán với khu vực tư nhân
 - Các cơ chế liên quan đến vốn chủ sở hữu

Mua bán và sáp nhập công ty (M&A)

- Tư vấn việc mua bán và sáp nhập công ty (M & A) xuyên quốc gia
- Tư vấn chào mời đối tượng trong nước

Thị trường Vốn nợ (CCM)

- Tái phát
- Tái cấu trúc chính
- Tái trợ dự án

Tư vấn cho doanh nghiệp

- Tư vấn chiến lược
- Tái cấu trúc công ty
- Mua công ty theo cơ chế đòn bẩy tài chính

VinaSecurities là công ty chứng khoán đầu tiên được cấp phép bảo lãnh phát hành chứng khoán huy

động vốn vay và chứng khoán vốn. Bộ phận Tài Chính Doanh Nghiệp VinaSecurities, với vai trò tư

vấn cho cả bên bán và bên mua, đã được thực hiện nhiều hợp đồng quan trọng tại Việt Nam, bao gồm

tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), tư vấn phát hành cổ

phiếu cho Tổng Công ty Thuồng mại Sài Gòn - SATEA, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Tập đoàn

Hòa Phát, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Công ty CP Dầu tư Nam Long, công ty Kinh Đô, Tư vấn giao



Nghiên cứu Phân tích

Đội ngũ nghiên cứu phân tích của VinaSecurities cung cấp các sản phẩm nghiên cứu phân tích sâu

sắc và khách quan nhằm giúp khách hàng có những quyết định đầu tư hiệu quả.

Mạng lưới hoạt động

VinaSecurities hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với các văn phòng như sau:

Trụ sở chính

Địa chỉ: 120 Pasteur, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: +84 (8) 38219316

Fax: +84 (8) 38219312

Văn phòng đại diện Hà Nội

Địa chỉ:

Tầng 5, 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 (4) 3938846

Fax: +84 (4) 33988737

(Văn phòng đại diện đã được đóng cửa vào tháng 11 năm 2015 theo quyết định 927/QĐ-UBND của Ủy Ban

Chứng khoán Nhà nước)

Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong thị trường trong

nước. VinaSecurities hiện đang xây dựng và củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán

Việt Nam bằng việc định hướng đến khách hàng là tổ chức trong nước và ngoài nước mà nhóm

khách hàng mà các công ty môi giới trong nước chưa quan tâm phục vụ tới, cũng như là các nhà đầu

tư cá nhân chuyên nghiệp.

Định hướng của Công ty là trở thành đối tác, lựa chọn của nhà đầu tư mong muốn tham gia thị

trường chứng khoán Việt Nam bằng việc cung cấp cho khách hàng các dịch vụ đa dạng, phân tích

chuyên sâu và các giải pháp hiệu quả trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

VinaSecurities quyết tâm áp dụng các chuẩn mực quốc tế về tuân thủ luật pháp trong hoạt động hàng

ngày của công ty. Mục đích của VinaSecurities tạo niềm tin, sự tin cậy với khách hàng như nhận

được sự tin nhiệm từ phía khách hàng, từ đó tạo thuận lợi cho quan hệ giao dịch lâu dài với khách

hàng. VinaSecurities đảm bảo các văn dầy sẽ được giám sát chặt chẽ nhằm tuân thủ các quy định

- Trách nhiệm đối với nhân viên
- Giao dịch tài khoản các nhân

hiện hành:





Báo cáo của Ban Giám Đốc

Diễn biến thị trường chứng khoán
Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Tổ chức nhân sự

Kế hoạch phát triển



- Trách nhiệm pháp lý
- Chi chép số sách
- Thao túng thị trường
- Giao dịch nội gián
- Hướng dẫn phân tích chứng khoán
- Danh giá nâng lực của đối tác tiềm năng

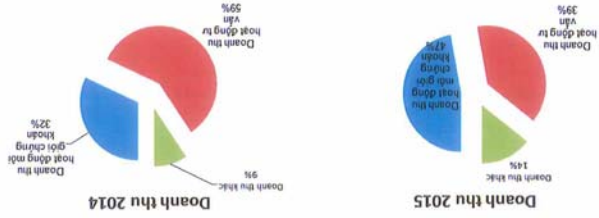
Chiến lược phát triển trung và dài hạn

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành hãng đầu trong thị trường trong nước. Để đạt mục tiêu này, VinaSecurities hướng hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc sau:

- Lợi ích của khách hàng làm hàng đầu
- Lợi thế cạnh tranh của VinaSecurities là đội ngũ nhân viên
- VinaSecurities luôn luôn nỗ lực tối đa đáp ứng nhu cầu khách hàng hơn mức mong đợi.
- Đối mới và hiện đại là biện pháp duy nhất để tồn tại. Để đạt được mức độ tiên tiến cao, VinaSecurities liên tục thu hút, trong dụng và kích lệ đội ngũ nhân viên
- Trung thực và thành thật là nguyên tắc hoạt động nền tảng của hoạt động kinh doanh của VinaSecurities. Mọi nhân viên của VinaSecurities luôn duy trì chuẩn mực đạo đức cao trong mọi công tác hàng ngày.
- Lợi dụng và trục lợi thông tin là tuyệt đối cấm tại VinaSecurities.
- Hoạt động của VinaSecurities mang tính cạnh tranh cao, nhưng VinaSecurities luôn thể hiện tinh thần cạnh tranh lành mạnh, tuyệt đối không xúc phạm thanh danh của các công ty khác.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia kỹ cứu thuộc các lĩnh vực kinh doanh, giao dịch, phân tích đầu tư chứng khoán, tài chính doanh nghiệp.
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa tập quán quốc tế và kiến thức thị trường nội địa.
- Chăm sóc và nâng cao tinh thần, vật chất đối với lực lượng lao động của Công ty.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định nghiêm.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Kết thúc năm tài chính 2015, Vinascertures đạt được 8,7 tỷ đồng doanh thu, mức doanh thu này bao gồm doanh thu mới giới đạt 4,1 tỷ đồng, doanh thu từ vốn đầu tư đạt 3,3 tỷ đồng và doanh thu khác đạt 1,2 tỷ đồng. Nhìn chung, doanh thu năm 2015 giảm mạnh 51% so với doanh thu năm 2014 chủ yếu là do mảng dịch vụ từ vốn mà Vinascertures tập trung từ các năm trước bị ảnh hưởng.



Doanh thu mới giới giảm 27% so với doanh thu mới giới năm 2014. Do sự điều chỉnh hình hoạt động kinh doanh của công ty nên hoạt động mua bán của các khách hàng trong và ngoài nước cũng bị tác động.

Hoạt động từ vốn tài chính

Hợp tác chiến lược độc quyền với Macquarie trong lĩnh vực từ vốn tài chính mà Vinascertures ký kết vào tháng 10 năm 2010 đã mang đến cho Vinascertures những thành công ban đầu trong những năm vừa qua. Tuy nhiên ảnh hưởng rất lớn bởi tình hình kinh tế vĩ mô trong năm 2015, doanh thu từ vốn tài chính giảm 51% so với năm 2014.

Bộ phận Từ vốn hiện tại với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm thực tế trong và ngoài nước có thể nói là một đội ngũ mạnh so với các công ty chứng khoán khác. Về mặt chuyên môn, bộ phận thêm các kỹ năng kiến thức chuyên sâu trong từ vốn tài chính doanh nghiệp để nâng cao nghiệp vụ, chất lượng các dịch vụ nhằm phù hợp với tình hình kinh tế trong thời gian tới.

Bộ phận Từ vốn doanh nghiệp của Vinascertures hiện cung cấp nhiều dịch vụ từ vốn tài chính bao gồm tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn niêm yết, tư vấn mua bán sản phẩm, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn chiến lược.

Hoạt động mới giới

Hoạt động mới giới tại Vinascertures năm 2015 đã có thay đổi lớn. Tổng khối lượng chứng khoán giao dịch giảm 4% so với năm 2014 và giá trị giao dịch giảm 28% so với năm 2014.

Năm 2015 là một năm khó khăn với Vinascertures. Vinascertures đã làm hồ sơ rút nghiệp vụ Mới giới chứng khoán từ nguyên từ chấp thuận của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động mới giới cho khách hàng tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tới ngày 15 tháng 10 năm 2015 và tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tới ngày 13 tháng 11 năm 2015.

Cuối năm 2015 số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng giảm 47% so với năm 2014.

Diễn biến thị trường chứng khoán

Tổng kết thị trường chứng khoán trong năm 2015

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 trải qua nhiều biến cố thăng-trầm. Đã có lúc, thị trường bất phá mà kỳ vọng nơi room, đã có lúc điều chỉnh bởi sự dao động của giá dầu quốc tế, đồng USD, lãi suất... Thị trường khởi đầu với 545,6 điểm và kết thúc năm 2015 ở mức 579 điểm. Dù chịu ảnh hưởng từ yếu tố khách quan trên thế giới như FED tăng lãi suất, Trung Quốc phá giá Nhân Dân Tệ, giá dầu tiếp tục sụt giảm... tuy nhiên TTCK Việt Nam năm 2015 vẫn tiếp tục tăng trưởng.

Sự thành công trong năm qua không thể không nhắc tới cơ quan quản lý với hàng loạt chính sách được đưa ra, góp phần thúc đẩy sự phát triển của TTCK Việt Nam trong trung và dài hạn.

Những chính sách quan trọng nhất đã và đang tác động tới TTCK Việt Nam trong năm 2015, tác động đến dòng vốn đầu tư chứng khoán ngân hàng; nơi room cho nhà đầu tư nước ngoài; tăng biên độ giao dịch sàn Upcom từ 10% lên 15%; SCIC thoái vốn khỏi mười doanh nghiệp nhà nước; Chu kỳ thanh toán T+2 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.



Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu

Đơn vị: triệu đồng

2014	2015
Doanh thu hoạt động mới giới chứng khoán	4.117
Doanh thu hoạt động từ vốn	3.363
Doanh thu khác	1.659
Tổng cộng	8.733

Thêm nơi từ đó, hàng năm VinaSecurities vẫn tiếp tục mở rộng và phát hành thêm nhiều báo cáo nghiên cứu về nhiều công ty blue chip Việt Nam và phân phối cho các nhà đầu tư, tổ chức đầu tư chuyên nghiệp trên khắp thế giới.

Trong năm 2015, VinaSecurities đã phát hành các báo cáo nghiên cứu chuyên sâu và các báo cáo phân tích công ty bluechip Việt Nam.

Quản trị rủi ro

VinaSecurities đã thành lập bộ phận Quản trị rủi ro cũng như ban hành các chính sách và quy trình quản trị rủi ro theo quy định cũng như nhằm tăng cường kiểm soát các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động kinh doanh hàng ngày, giảm thiểu tổn thất và hướng đến phát triển bền vững.

VinaSecurities tiếp tục chính sửa, hoàn thiện hệ thống quy trình, qui định nội bộ trong hoạt động môi giới, tư vấn, nghiên cứu, công nghệ thông tin, tài chính kế toán, nhân sự nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ. Đây là một yếu tố giúp VinaSecurities nâng cao chất lượng dịch vụ và kiểm soát được rủi ro.

VinaSecurities thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ các hoạt động của VinaSecurities như email, voice mail, điện thoại, quản lý khách hàng, quản lý hệ thống máy chủ... nhằm tối đa hóa sử dụng, tăng cường tính năng động và ngân chặn rủi ro.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

VinaSecurities kết thúc năm tài chính 2015 với kết quả là 5,57 tỷ đồng so với kết quả là 1,2 tỷ của năm ngoái. Điều này chủ yếu do sự ảnh hưởng của kinh tế vĩ mô đối với tình hình kinh doanh của VinaSecurities. Kết quả kinh doanh sụt giảm đáng kể do ngưng nhận thanh toán từ việc sụt giảm doanh thu từ văn tài chính 68% so với năm ngoái và làm cho tổng doanh thu giảm 51% so với năm ngoái.

Chỉ phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay giảm 26% so với năm 2014, trong đó, chỉ phí hoạt động kinh doanh giảm 26% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 27% so với năm 2014. Tuy nhiên do doanh thu năm nay giảm 51% so với doanh thu năm 2014, nên mức chi phí này cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của năm 2015.

Năm 2015, VinaSecurities tiếp tục cải thiện chỉ phí toàn diện, kết quả là chỉ phí giảm 25% so với chỉ phí năm 2014.

Tổng kết tình hình tài chính trong năm 2015

	2015	2014	% tăng/giảm
Tổng tài sản	14.162	23.547	-40%
Doanh thu thuần	8.731	17.790	-51%
Lãi/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.856)	(1.930)	203%
Thu nhập khác	279	279	0%
Chi phí	14.586	19.720	-26%
Tổng lợi kế toán trước thuế	(5.576)	(1.919)	-191%
Lỗ sau thuế TNDN	(5.576)	(1.919)	-191%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

ĐVT: triệu đồng



Đông góp một phần đáng kể vào sự tăng trưởng và phát triển các dịch vụ của VinaSecurities phải kể đến hoạt động của bộ phận Nghiên cứu phân tích. Đội ngũ nhân viên phân tích hiện có là một trong những đội ngũ phân tích mạnh nhất thị trường với năng lực thể hiện như sau:

- Là công ty đầu tiên đưa ra các báo cáo với các khuyến nghị dựa trên các yếu tố thị trường để hỗ trợ nhà đầu tư chọn lựa chứng khoán.
- Là công ty đầu tiên phân tích chứng khoán với các dự báo từ 3 đến 5 năm ra trong Báo cáo dài và báo cáo dòng tiền và Bản cần đổi tài khoản.
- Là công ty đầu tiên thực hiện các bản tin nhanh tóm lược về các công ty niêm yết.
- Thực hiện các báo cáo phân tích chứng khoán toàn diện nhất Việt Nam.
- Việc phân tích chứng khoán dựa trên nền tảng của khả năng chuyên môn và định giá chứng khoán và mô hình tài chính doanh nghiệp vững chắc.

Đồng thời, bộ phận Nghiên cứu phân tích đặc biệt chú ý đến yếu tố chất lượng nhằm mang lại sản phẩm độc đáo "hiệu quả nhất thị trường" cho khách hàng.

Trong năm, hoạt động Nghiên cứu phân tích đã cung cấp các sản phẩm phân tích sau:

- Bản tin thị trường: cung cấp tóm tắt tình hình và xu hướng thị trường cùng với bình luận của VinaSecurities.
- Báo cáo phân tích công ty: phân tích toàn diện và chuyên sâu các công ty niêm yết cũng như cập nhật các thông tin có liên quan ảnh hưởng đến các công ty này một cách thường xuyên.
- Báo cáo phân tích hình ảnh kinh tế vĩ mô: định kỳ hàng tháng phân tích hình ảnh kinh tế và ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán.
- Bình luận kinh tế vĩ mô: bình luận các sự kiện kinh tế vĩ mô cụ thể.
- Báo cáo phân tích chiến lược.

Năm 2011 đánh dấu năm đầu tiên trong hợp tác chiến lược với Maquarrie Securities trong lĩnh vực nghiên cứu phân tích. VinaSecurities và Maquarrie xuất bản báo cáo chiến lược về thị trường môi giới bao gồm Việt Nam, Bangladesh, Pakistan và Sri Lanka và về cổ phiếu PVD, PNI và một số cổ phiếu khác. Bên cạnh đó, trong tháng 08/2011, VinaSecurities đã phát hành báo cáo công ty đầu tiên dưới tên của VinaSecurities và Maquarrie, được phân phối toàn cầu thông qua mạng lưới hoạt động của Maquarrie.





Tình hình tài sản và công nợ

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm đạt 14,2 tỷ đồng, giảm 40% so với năm 2014 chủ yếu tài sản ngắn hạn giảm 39% so với năm ngoái. Trong năm 2015, tiền và các khoản tương đương tiền giảm 35% so với năm ngoái chủ yếu do chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý trong năm.

Tài sản dài hạn giảm 44% so với năm 2014, cụ thể giảm từ 5,7 tỷ xuống còn 3,2 tỷ do nguyên nhân chủ yếu từ việc kê khai hao tài sản cố định và việc hoàn quỹ hồ trợ thanh toán do công ty rút nghiệp vụ lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

TÀI SẢN

	2015	2014	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	10.923	17.774	-39%
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.466	16.037	-35%
Các khoản phải thu	15	1.481	-99%
Tài sản ngắn hạn khác	442	257	72%
Tài sản dài hạn	3.238	5.773	-44%
Tài khoản phải thu dài hạn	26	1.346	-98%
Tài sản cố định	3.186	3.544	-10%
Tài sản dài hạn khác	26	883	-97%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	14.162	23.547	-40%
NGUỒN VỐN			
Nợ phải trả	1.786	5.595	-68%
Nguồn vốn chủ sở hữu	12.376	17.952	-31%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	14.162	23.547	-40%

Chi tiêu tài chính cơ bản

Cơ cấu Vốn chủ sở hữu giảm từ 23,67% xuống 12,61%. Khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 4,21 lần lên 7,93 lần; khả năng thanh toán nhanh tăng từ 2,25 lần lên 6,21 lần. TI suất sinh lời giảm so với năm 2014.

Chỉ tiêu	DVT	2015	2014
Cơ cấu vốn	%	12,61	23,76
Nguồn vốn chủ sở hữu/đồng nguồn vốn	%	87,39	76,24
Khả năng thanh toán			
Tổng tài sản/nợ phải trả	Lần	7,93	4,21
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	6,21	3,25
Tỷ suất sinh lời			
Lãi/(Lỗ) thuần/doanh thu thuần	%	-63,86	-10,79
Lãi/(Lỗ) thuần/đồng tài sản	%	-39,38	-8,15
Lãi/(Lỗ) thuần/vốn chủ sở hữu	%	-45,05	-10,69



Cơ cấu cổ đông

Số lượng cổ phần

Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn cổ phần của VinaSecurities là 185 tỷ đồng chia thành 18.500.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) với các chi tiết như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	18.500.000	100 %
2	Cổ phần chuyển hạn chế chuyển nhượng	0	0%
	Tổng cộng	18.500.000	100 %

Cơ cấu cổ đông

Trong năm 2015 không có sự thay đổi lớn trong cơ cấu cổ đông của VinaSecurities:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng số lượng cổ phần phổ thông	18.500.000	100 %
	Cổ đông sáng lập	0	0%
	Cổ đông lớn	18.500.000	100%
2	Trong đó		
	Cổ đông dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	0	0 %
	Cổ đông nhà nước	0	0%
	Cổ đông trong nước	9.435.000	51%
	Cổ đông nước ngoài	9.065.000	49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2015, không có đợt tăng vốn cổ phần nào phát sinh bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng rẽ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2015 không có giao dịch cổ phiếu quỹ

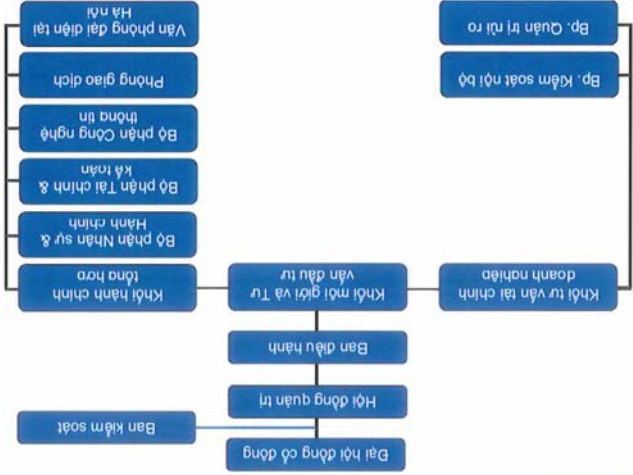
Cổ tức/ lợi nhuận chia các cổ đông

Trong năm 2015 VinaSecurities không thực hiện chia cổ tức cho năm 2015.



Tổ chức nhân sự

Cơ cấu tổ chức



Ban Giám Đốc
Ban Giám Đốc của Vinacare gồm có các thành viên sau:

Horst F Geicke Chủ tịch HĐQT

Đinh Văn Sơn Tổng giám đốc

Ông Horst F. Geicke có quốc tịch Đức, là một trong ba cổ đông sáng lập và từng là chủ tịch Hội đồng quản trị của Tập Đoàn Vinacare từ năm 2003 đến năm 2011. Ông cư ngụ tại Hồng Kông từ năm 1981 và tại Việt Nam từ năm 2002. Tại Việt Nam Ông Geicke là chủ tịch điều hành của Euro Auto BMW Việt Nam, Giám đốc điều hành Vinacare và là thành viên Hội đồng quản trị của Metropole Hà Nội. Ông Geicke đồng thời là cổ đông sáng lập của PAC, một Công ty quản lý tài sản thay thế độc lập Jon Nam, chủ tịch Phòng thương mại Đức tại Hồng Kông và nguyên chủ tịch Phòng thương mại Châu Âu Nam, chủ tịch Phòng thương mại Đức tại Hồng Kông và nguyên chủ tịch Phòng thương mại Châu Âu tại Hồng Kông. Ông Geicke có bằng Thạc sĩ Kinh tế học và Luật kinh Doanh của Đại học Hamburg, Đức. Ông Đinh Văn Sơn có quốc tịch Việt Nam, hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, ông Sơn hiện nay là Tổng giám đốc tại Vinacare. Trước khi gia nhập Vinacare vào tháng 5/2008, ông Sơn đã từng nắm giữ các chức vụ quản lý và giám đốc hành chính nhân sự tại một số công ty nước ngoài như Tập đoàn Thiên Long (Hoa Kỳ), Công ty TNHH Vina Star Diamond (Bỉ), Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Interfood (Malaysia) và Công ty cổ khí Samsung (Hàn Quốc). Ông Sơn đã tốt nghiệp cử nhân Luật tại Đại học Luật Hà Nội, Thạc sĩ kinh doanh (Cấp cao) tại Trường Quản Trị của

Viện Công Nghệ Châu Á (ATT), Bangkok, Thailand. Ông Sơn cũng đã tốt nghiệp lớp nghiệp vụ Luật sư của Học viện tư pháp Việt Nam.

Các thành viên ban giám đốc được hưởng thù nhập bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các chế độ bảo hiểm như mọi nhân viên làm việc tại Vinacare, ngoài ra không có quyền lợi gì khác.

Chính sách nhân sự

Tuyển dụng

Chiến lược phát triển khách hàng của Vinacare tập trung vào các nhà đầu tư, do vậy các báo cáo phân tích và nhận định thị trường, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đòi hỏi cần có một đội ngũ có chuyên môn sâu và rộng, đồng thời có khả năng giao tiếp và viết tiếng Anh lưu loát do vậy Vinacare đã gặp không ít khó khăn trong việc tuyển dụng những nhân tài có đầy đủ chuyên môn và khả năng ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

Nhằm nâng cao tính cạnh tranh và thu hút nhân tài, Vinacare luôn xem kết quả thỏa mãn nhu cầu người lao động lên hàng đầu. Ngoài việc đáp ứng các nhu cầu tối thiểu, Vinacare còn thiết lập một cơ chế thang tiền trong nghề nghiệp rất rõ ràng, bao gồm các tiêu chí đánh giá và phát triển một cách công bằng, kịp thời.

Chính sách nhân sự

Vinacare luôn luôn ủng hộ ý kiến đóng góp của người lao động về việc cải tiến môi trường làm việc, văn hóa doanh nghiệp, quan hệ lãnh đạo và đồng nghiệp.

Bào tạo

Chính sách đào tạo và phát triển nhân tài tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện và môi trường làm việc thoải mái để nhân viên có cơ hội kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Thời gian và không gian làm việc linh hoạt là một nét văn hóa điển hình được Công ty áp dụng nhằm mang lại tinh thần chủ động trong công việc cho nhân viên.

Kế hoạch phát triển

Kế hoạch phát triển

Trong những năm qua, Vinacare gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Trong tình hình khó khăn chung của Việt Nam, Vinacare tập trung vào các đối tác cũ và phát triển nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

Vinacare tiếp tục thay đổi chiến lược kinh doanh chủ yếu tập trung vào khách hàng tổ chức trong và ngoài nước. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các đối tác cũ và phát triển các đối tác mới để đem lại nguồn doanh thu cho công ty.

Chiến lược Tư vấn Tài Chính

Bộ phận Tư vấn Tài Chính của Vinacare trong thời gian gần đây đã thay đổi một cách cơ bản theo cấu trúc quản lý ít cấp bậc hơn, rộng hơn và hướng theo doanh thu với trọng tâm đặt vào 6 mảng chính gồm bất động sản, tài chính và bảo hiểm, hàng hóa, công nghệ, tài nguyên khoáng sản và TMĐT (diện thoại, truyền thông, giải trí và công nghệ).





Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Danh giá hoạt động kinh doanh

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thu lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và

Ban kiểm soát



Với nhu cầu vốn đầu tư to lớn của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân để tiếp tục thực đẩy sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong các năm sắp tới, Vinasecurities hiện đang có lợi thế tốt trong việc hỗ trợ nhu cầu mua bán sắp nhập ngày càng tăng cũng như việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính trong những năm sắp tới.

Bộ phận Tư Vấn Tài Chính của Vinasecurities tập trung theo chiến lược tìm kiếm và phục vụ các doanh nghiệp tiềm năng và doanh nghiệp đầu, có quy mô lớn trong các ngành chiến lược như Vinasecurities cũng không ngừng gia tăng mối quan hệ với các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm nắm bắt nhu cầu đầu tư cũng như tăng nghệ những yêu cầu chuyên biệt của từng nhà đầu tư trong thị trường. Từ đó, bộ phận Tư vấn Tài Chính đưa ra những khách hàng và dịch vụ mức tiêu chuẩn trong nhằm đưa đến đến những cơ hội đầu tư tốt nhất và phù hợp nhất với nhu cầu của các nhà đầu tư.



Đánh giá hoạt động kinh doanh

Năm 2015 tiếp tục là một năm khó khăn đối với VinaSecurities trong bối cảnh ảnh hưởng bởi thị trường chứng khoán biến động mạnh trong cả năm do các yếu tố kinh tế trong và ngoài nước; kỳ vọng nơi room cho nhà đầu tư nước ngoài vào thời điểm cuối năm 2015; ảnh hưởng bởi giải đấu quốc tế; đồng USD và lãi suất. Năm 2015 là năm có nhiều biến động ảnh hưởng cả tích cực lẫn tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của VinaSecurities.

Trong năm 2015, VinaSecurities tiếp tục thực hiện chính sách cắt giảm chi phí toàn diện. Những điều này giúp VinaSecurities giảm một cách đáng kể chi phí hoạt động, cải thiện tình hình tài chính, cải thiện chỉ số an toàn tài chính, từng bước đạt kết quả kinh doanh khả quan hơn.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất tại VinaSecurities, có toàn quyền nhân danh VinaSecurities để quyết định và thực hiện các quyết định và lợi ích hợp pháp của VinaSecurities mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2015, VinaSecurities có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	Bộ phận	Miền nhiệm
Horst Joachim Franz Gecke	Chủ tịch		11 tháng 04 năm 2013
Adrian Francis Cundy	Thành viên		16 tháng 12 năm 2010
Hồ Nhân	Thành viên		11 tháng 04 năm 2013
Chu Đăng Ngọc Trinh	Thành viên		27 tháng 10 năm 2015

Bao gồm trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị có một thành viên là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành trong VinaSecurities.

Trong năm 2015, các cuộc họp của Hội đồng quản trị như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Horst Joachim Franz Gecke	Chủ tịch	1	100%	
2	Hồ Nhân	Thành viên	1	100%	
3	Chu Đăng Ngọc Trinh	Thành viên	1	100%	

Hội đồng quản trị đã đưa ra nhiều quyết định nhằm thực hiện kế hoạch phát triển trung và dài hạn của VinaSecurities và đưa chi đạo kịp thời về các nội dung chủ yếu sau:

- Bài nhiệm và bổ nhiệm nhân sự thành viên HĐQT
- Phê duyệt chính sách và hạn mức rủi ro
- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.
- Thông qua báo cáo tài chính năm 2015
- Thông qua các kế hoạch, chiến lược kinh doanh, chính sách quản lý khác của VinaSecurities.
- Thông qua các văn đề quản lý hoạt động kinh doanh.



Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của VinaSecurities bao gồm ba thành viên theo quy định của Điều lệ VinaSecurities. VinaSecurities.

Trong năm 2015 thành viên Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Bộ phận	Miền nhiệm
Đặng Xuân Cảnh	Trưởng ban		26 tháng 12 năm 2012
Nguyễn Văn Lâm	Thành viên		26 tháng 12 năm 2012
Le Nội	Thành viên		26 tháng 12 năm 2012

Các thành viên Ban kiểm soát đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm bất kỳ chức danh điều hành nào tại VinaSecurities. Ban Kiểm soát hoàn toàn độc lập và không bị ảnh hưởng bởi Hội đồng quản trị hoặc/và Ban điều hành.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành VinaSecurities; chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ của mình.
- Kiểm tra tình hình hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong đó chức năng tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Tham định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của VinaSecurities, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông.
- Xem xét số kế toán và các tài liệu khác của VinaSecurities, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VinaSecurities bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cơ đồng hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Trong năm 2015, căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, VinaSecurities chỉ chi trả thù lao cho trư và Ban kiểm soát và không chi trả bất kỳ khoản thù lao nào cho các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nào sở hữu cổ phần của VinaSecurities.

Trong năm 2015, không có các giao dịch có phiếu hoặc chuyển nhượng phần vốn góp của VinaSecurities của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Trong năm 2015 không có phát sinh hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với VinaSecurities của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và những người liên quan đến các đối tượng nói trên.

Chứng từ tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Còn sai sót trọng yếu hay không, hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có yêu cầu chứng từ tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này tuân thủ các yêu cầu của pháp luật Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có yêu cầu chứng từ tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này tuân thủ các yêu cầu của pháp luật Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Vina ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cũng với tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 10 đến trang 25.

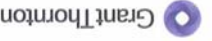
Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Vina

Số 15-21-076

Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)
551A Đường Điện Biên Phủ,
Thị trấn Thủ Đức, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: +84 (8) 3910 9100
Fax: +84 (8) 3910 9101
www.gt.com.vn

Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo kiểm toán độc lập




Báo cáo tài chính
Báo cáo kiểm toán
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính





Y kiến của kiểm toán viên
 Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần chứng khoán Vina tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ với các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)


 NGUYỄN ĐÀO THANH THẢO
 Giám đốc Kiểm toán
 Số 1903-2014-068-1
 Phó Tổng Giám đốc
 Kiểm toán viên

Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Phó Tổng Giám đốc
 Số: 0253-2014-068-1
 Giám đốc Kiểm toán



Bảng cân đối kế toán
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết Mã	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014	Đơn vị
TÀI SẢN			VND
Tài sản ngắn hạn	10.923.879.359	17.774.072.130	
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.466.352.231	16.036.772.946	
Tiền	111	110	
Các khoản phải thu ngắn hạn	15.200.000	1.480.777.311	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	1.472.382.380	
Phải thu cho người bán ngắn hạn	15.200.000	-	
Phải thu ngắn hạn khác	-	8.394.921	
Tài sản ngắn hạn khác	442.327.128	256.521.873	
Chi phí trả trước ngắn hạn	408.119.729	256.521.873	
Chi phí trả trước được khấu trừ	34.207.399	-	
Tài sản dài hạn	200	3.237.906.280	
Các khoản phải thu dài hạn	210	25.610.760	
Phải thu dài hạn khác	9	25.610.760	
Tài sản cố định	220	3.185.937.185	
Tài sản cố định hữu hình	221	117.083.022	
- Nguyên giá	222	7.793.613.367	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(7.676.530.345)	
Tài sản cố định vô hình	227	3.068.854.163	
- Nguyên giá	228	8.107.954.086	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(5.039.099.923)	
Tài sản dài hạn khác	260	26.358.316	
Chi phí trả trước dài hạn	8	261	26.358.316
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	
Tài sản dở dang dài hạn	240	353.365.188	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	353.365.188	
Tổng tài sản	270	14.161.786.619	
Tiền nộp Công nợ thanh toán	262	-	
Chi phí trả trước ngắn hạn	261	716.477.433	
Chi phí trả trước dài hạn	8	261	166.342.473
Tổng nợ	260	882.819.906	

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Thuyết minh số	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Nợ phải trả		1.785.625.140	5.594.911.800
Nợ ngắn hạn		1.759.194.140	5.474.926.050
Phải trả người bán ngắn hạn		39.653.492	434.474.316
Phải trả và các khoản phải nộp Nhà nước		114.841.977	692.095.359
Chi phí phải trả ngắn hạn		764.785.476	1.036.681.129
Các khoản phải trả khác		822.540.791	857.718.460
Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán		17.372.404	2.452.630.896
Phải trả có tức từ cổ phiếu và lãi trái phiếu		-	719.890
Nợ dài hạn		26.431.000	119.985.750
Các khoản phải trả dài hạn khác		337	119.985.750
Vốn chủ sở hữu		12.376.160.479	17.951.947.037
Vốn chủ sở hữu		12.376.160.479	185.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	185.000.000.000	185.000.000.000
Quy dự trữ pháp định và dự phòng lãi chính	16	254.998.000	254.998.000
Lãi lũy kế	16	172.878.837.521	(167.303.050.963)
Lãi lũy kế chưa phân phối kỳ trước	421a	(167.303.050.963)	(165.383.921.877)
Lãi lũy kế chưa phân phối kỳ này	421b	(5.575.786.559)	(1.919.129.086)
Tổng nguồn vốn	440	14.161.785.619	23.546.858.837



Người duyệt

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập
DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh số	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Nam kết thực ngày		
VND		
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	20	01
Doanh thu thuần	8.731.459.509	17.790.394.820
Chi phí hoạt động kinh doanh	21	11
Lợi nhuận (lỗ) gộp	(545.159.818)	5.337.756.166
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	26
Lợi từ hoạt động kinh doanh	30	30
Lợi nhuận khác	22	31
Thu nhập khác	278.845.049	10.567.272
Lợi nhuận khác	278.845.049	10.567.272
Lợi nhuận trước thuế	40	40
Tổng lợi kế toán trước thuế	50	50
Lãi sau thuế TNDN	16	60
Lãi sau thuế TNDN	(5.575.786.559)	(1.919.129.086)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Người duyệt

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập
DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng





Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Tăng/Giảm		Số dư cuối năm	
		1 tháng 1 năm 2014	1 tháng 1 năm 2015	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn góp có phần							
2. Thặng dư vốn có phần							
3. Dự trữ pháp định và dự phòng tài chính							
4. Lợi lũy kế							
Tổng cộng							
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
		16	16	-	-	185.000.000.000	185.000.000.000
		254.998.000	254.998.000	-	-	254.998.000	254.998.000
		(185.383.921.877)	(187.303.050.963)	(1.919.129.086)	(5.575.796.568)	(187.303.050.963)	(172.878.837.521)
		19.871.076.123	17.951.947.037	(1.919.129.086)	(5.575.796.568)	17.951.947.037	12.376.150.479

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2015



Người lập

DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phương pháp gián tiếp)

Thuyết minh	Mã	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	số	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh		VND	VND
Lỗ trước thuế	01	(6.576.796.568)	(1.919.129.086)
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và hao mòn (lưu) bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.023.078)	385.434
Lãi từ việc thanh lý tài sản	22	(146.454.546)	(10.567.272)
Lãi tiền gửi	06	(175.453.655)	(414.667.429)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.032.289.621)	(1.445.508.083)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.467.847.346	551.955.511
Tăng, giảm chi phí trả trước	11	(3.809.286.660)	(864.090.150)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(11.613.699)	79.591.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.385.322.634)	(1.678.651.071)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và xây dựng cơ bản dở dang	21	(507.029.460)	(66.470.602)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	146.454.546	10.567.272
Tiền thu lãi liên gửi	27	175.453.655	158.275.451
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(189.121.259)	102.372.121
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6.571.443.793)	(1.576.278.950)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.036.772.946	17.612.863.400
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.023.078	188.496
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	10.466.352.231	16.036.772.946

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2015
Người duyệt
DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng



Người lập
DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng

1 Thuyết minh báo cáo tài chính

1 Đặc điểm hoạt động của Công ty
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào năm 2006 dưới hình thức công ty cổ phần, ban đầu có 5 cổ đông sáng lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK-GPHNKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCK”), cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.

Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Mọi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính
- Lưu ký chứng khoán

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2016, Công ty được UBCK cấp Giấy phép điều chỉnh và thay đổi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. Theo đó, Công ty đã tái hoạt động môi giới chứng khoán, và lưu ký chứng khoán ra khỏi hoạt động kinh doanh chủ yếu.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 120 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 7 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 22 nhân viên).
2 Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ
2.1 Niên độ kế toán
Năm tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12.
2.2 Đơn vị tiền tệ
Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là Việt Nam đồng (“VND”).
3 Các báo cáo tài chính
Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC, Thông tư 162/2010/TT-BTC và các quy định pháp lý liên quan của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam, mà tên một số khía cạnh trong yêu cầu khác với Chuẩn mực Kế toán Quốc tế và các nguyên tắc và các không nhằm tuân theo chấp nhận rộng rãi tại quốc gia của người độc. Do đó, các báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam, hơn nữa, đôi tương sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm vào những người không được thông tin về các nguyên tắc, quy trình và tập quán kế toán của Việt Nam.

4 Thay đổi chính sách kế toán
Áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp
Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”), và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.
Ban Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 đối với thông tin so sánh năm trước và đã thực hiện phân loại lại một số khoản mục cho phù hợp với trình bày báo cáo tài chính của

năm hiện hành. Chi tiết các phân loại lại thông tin so sánh các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 được trình bày tại Thuyết minh số 29.

5 Chính sách kế toán áp dụng

5.1 Tỷ giá hối đoái
Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lập lại được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty kinh doanh ngoại tệ mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty kinh doanh ngoại tệ mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giá trị mà có ảnh hưởng tới tài sản công cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

5.3 Tiền
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

5.4 Các khoản phải thu
Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

5.5 Tài sản cố định hữu hình
Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lập, ít phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá
Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vi tư sản sáng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong dài hạn được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao
Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất 20% trên tổng thu nhập chịu thuế hàng năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên hoạt động có lãi và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo.

Thuế suất áp dụng

24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí nhân công	3.222.154,311
Dùng cụ văn phòng	328.522.666
Khấu hao và hao mòn	64.647.783
Chi phí thuê văn phòng	838.471.500
Các dịch vụ thuê ngoài	939.330.085
Chi phí khác	510.674.118
6.309.471.789	7.267.452.524

23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí khác	14.569.983
Thu nhập từ sửa chữa và trang bị văn phòng	93.860.525
Thu nhập từ cho thuê xe	24.969.995
Thu nhập từ việc thanh lý tài sản cố định	145.454.546
VND	10.567.272
31 tháng 12 năm 2015	Năm kết thúc ngày
278.845.049	278.845.049

22 Thuế nhập khác

Chi phí khác	1.009.777.286
Các dịch vụ thuê ngoài	3.604.829.712
Khấu hao và hao mòn	800.800.533
Chi phí nhân công	3.131.309.647
Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	8.546.717.178
Chi phí cho hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	729.902.149
VND	17.790.394.820
31 tháng 12 năm 2015	Năm kết thúc ngày
1.009.777.286	1.009.777.286

21 Chi phí hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.116.052.418
Doanh thu hoạt động lưu văn	3.362.656.316
Doanh thu khác	1.252.761.775
VND	17.790.394.820
31 tháng 12 năm 2015	Năm kết thúc ngày
4.116.052.418	4.116.052.418

20 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.432.656.806
Doanh thu khác	1.668.642.166
VND	17.790.394.820
31 tháng 12 năm 2015	Năm kết thúc ngày
10.432.656.806	10.432.656.806

Bảng số liệu thuế suất thực tế như sau:

Bảng số liệu thuế suất thực tế như sau:

Lãi kế toán trước thuế	(5.575.798.558)
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty (20%)	(1.115.157.312)
Ảnh hưởng bổc	-
Chi phí không được trừ	-
Nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên các khoản chênh lệch tạm thời	(6.242.121)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên các khoản chênh lệch tạm thời	(9.187.062)
Tổng chi phí thuế	405.012.879

Công ty không ghi nhận dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2015 vì Công ty phát sinh lãi.

Lãi chịu thuế có thể được mang sang kỳ sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế với đa 5 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ đó. Tổng lỗ thực tế có thể mang sang là kết quả kiểm toán thuế của cơ quan thuế địa phương.

Lãi chịu thuế dùng để tính bù trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau được tính như sau:

Năm phải Quyết toán thuế	Lỗ được khấu trừ	Chuyển lỗ	Hết hạn	Thuế mang sang	Ước tính
2011	26.950.628.766	-	-	-	VND
2012	12.121.894.666	-	-	-	VND
2013	2.025.064.395	-	-	-	VND
2014	5.601.997.165	-	-	-	VND
2015	46.699.684.992	-	-	-	VND

Không có khoản tài sản nhập hoãn lại nào được ghi nhận và ghi cho các khoản lỗ chịu thuế và khoản chênh lệch tạm thời nói trên vì không có khả năng Công ty sẽ có đủ thu nhập chịu thuế để sử dụng khoản lỗ được khấu trừ thuế nêu trên trước khi hết hạn.

25 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm kết thúc ngày	31 tháng 12 năm 2015	Năm kết thúc ngày
Chu Đăng Ngọc Trinh	Cố đồng	Phi tư vấn	2.000.000.000	7.711.550.000	VND
Horst Joachim Franz Geiske	Chủ tịch HĐQT	Phi môi giới	40.149.344	35.303.788	VND
Bên liên quan	Quan hệ	Phi môi giới	8.930.650	14.410.912	VND

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 bằng không.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Cố đồng	Phi tư vấn	Phi môi giới	Phi môi giới
Chu Đăng Ngọc Trinh	Cố đồng	2.295.305.000	-	-	-

26 Thủ lao của Ban Giám đốc
 Trong năm, thủ lao nhận được của thành viên Ban Giám đốc và các nhân viên chủ chốt trong năm như sau:

	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Năm kết thúc ngày	VND	VND
	1.451.143.000	1.451.143.000
Các khoản phải cấp	380.229.640	-
	1.070.913.360	1.451.143.000

27 Cam kết
 Tại ngày 31 tháng 12, Công ty cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang với số tiền như sau:

	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Năm kết thúc ngày	VND	VND
	2.753.359.180	2.753.359.180
Trong năm tiếp theo	-	660.000.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	477.272.727	477.272.727
	3.413.359.180	3.413.359.180

28 Mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro
 Công ty đối mặt với nhiều loại rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính. Phân nhóm các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được trình bày ở Thuyết minh số 5.18. Các loại rủi ro chính bao gồm:

Rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Việc quản lý rủi ro của Công ty được thực hiện bởi Ban Giám đốc, tập trung vào việc bảo đảm đồng tiền ổn định và trung hạn của Công ty bằng cách giảm thiểu tối đa rủi ro thị trường tài chính.

Công ty không tham gia vào việc giao dịch các tài sản tài chính nhằm mục đích đầu cơ công như phát hành các hợp đồng quyền chọn. Các rủi ro tài chính lớn nhất mà Công ty đối mặt được trình bày dưới đây.

Rủi ro thị trường
 Công ty chịu tác động của rủi ro thị trường thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính, đặc biệt là rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá do đặc thù hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Biến động tỷ giá hối đoái
 Phần lớn các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng Việt Nam đồng. Rủi ro tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch mua/bán với nước ngoài mà chủ yếu được yết giá bằng Đô-la Mỹ.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt Nam đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Năm kết thúc ngày	VND	VND
	277.798.321	277.798.321
Tài sản tài chính	USD	USD
	1.157.528.920	1.157.528.920
Nợ phải trả tài chính	-	-
Rủi ro ngắn hạn	277.798.321	1.157.528.920

Đồ nhay của các công cụ tài chính và vốn chủ sở hữu của công ty được trình bày trong phần phân tích tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty và tỷ giá hối đoái giữa Đô-la Mỹ/ Việt Nam đồng.

Giá định hàng tỷ giá hối đoái giữa Đô-la Mỹ/ Việt Nam đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 thay đổi +/- 5% (năm 2014: +/-1%). Sự thay đổi tỷ giá hối đoái này được xác định dựa trên biến động trung bình của tỷ giá hối đoái trên thị trường của 12 tháng vừa qua. Việc phân tích đó nhay cảm được dựa trên các công cụ tài chính bằng ngoại tệ do Công ty nắm giữ tại ngày lập báo cáo tài chính, cam đoan thời kỳ xem xét ảnh hưởng của các hợp đồng tỷ giá hối đoái kỳ hạn đến việc lập báo cáo tài chính của Công ty và tỷ giá hối đoái kỳ hạn đến việc lập báo cáo tài chính.

Nếu VND tăng giá so với Đô-la Mỹ là 5% (năm 2014: 1%) khi đó sự tăng giá này có các tác động sau:

	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Năm kết thúc ngày	VND	VND
	13.889.916	11.575.289
Ảnh hưởng đến tài sản	USD	USD
	(13.889.916)	(11.575.289)
Vốn chủ sở hữu	(13.889.916)	(11.575.289)

Nếu VND giảm giá so với Đô-la Mỹ là 5% (năm 2014: 1%) thì sẽ có cùng mức ảnh hưởng trên nhưng trái chiều, với giá định khác được giữ nguyên không thay đổi, với giá định các nhân tố biến động khác được giữ nguyên không thay đổi.

Rủi ro đối với tỷ giá hối đoái trong năm tài chính được trình bày ở trên đã đại diện cho rủi ro đối với tỷ giá hối đoái của Công ty.

Rủi ro tín dụng
 Công ty đối mặt với rủi ro tín dụng trong giới hạn giá trị ghi sổ của tài sản tài chính ghi nhận tại ngày lập báo cáo tài chính, được tóm tắt như sau:

	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Năm kết thúc ngày	VND	VND
	10.422.212.301	15.993.054.039
Phân loại tài sản tài chính – giá trị ghi sổ	USD	USD
	2.626.388.071	2.626.388.071
Tiền và tương đương tiền	10.422.212.301	15.993.054.039
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.610.760	2.626.388.071
	10.447.823.061	18.619.442.110

Công ty liên tục theo dõi khả năng không trả được nợ của khách hàng và các đối tác khác, được xác định riêng lẻ hoặc bởi Công ty, và kết hợp thông tin này để kiểm soát rủi ro tín dụng. Khi có sẵn chỉ phí hợp lý, xếp hạng tín dụng bên ngoài và/hoặc bảo cáo về khách hàng và các đối tác khác sẽ được thu thập và sử dụng. Chính sách của Công ty chỉ dùng cho các đối tác đáng tin cậy.

Ban Giám đốc cho rằng tất cả các tài sản tài chính ở trên không bị suy giảm giá trị tại mỗi ngày báo cáo sau khi xem xét chất lượng tín dụng lịch sử, bao gồm cả những tín dụng quá hạn. Tại ngày 31 tháng 12 Công ty có một số khoản phải thu khác chưa được thu về tại ngày hết hạn hợp đồng. Những khoản này không phải thu nhưng vẫn được thu về tại ngày 31 tháng 12, được phân tích theo thời gian đáo hạn như sau:

	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Năm kết thúc ngày	VND	VND
	-	1.472.777.311
Không quá 3 tháng	-	1.472.777.311
Tiền mặt	26.610.760	1.345.610.760

